

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ Điều 212 và 213 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 10/9/2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 48/2021/TLST-DS ngày 26/4/2021, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V**; địa chỉ: phường Láng H, quận Đ, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch HĐQT. Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V là ông Đỗ Thành T- Chức vụ: Phó Giám đốc Khối Pháp chế và kiểm soát tuân thủ - VPBank Hội sở, theo văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/7/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng. Ông Đỗ Thành T ủy quyền lại cho ông Lê Ngọc T – Chức vụ: Trưởng bộ phận xử lý nợ CN MN06; ông Nguyễn Anh T – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ và ông Nguyễn Bá T – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; cùng địa chỉ: Tầng 4, 112 Phan Châu T, quận H,

thành phố Đà Nẵng - theo văn bản ủy quyền số 066/2021/UQ-VPB ngày 30/3/2021.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Quang S**, sinh năm 1970 và bà **Nguyễn Thị Bích N**, sinh năm 1977; cùng địa chỉ: Tổ 59, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1953 và bà **Lê Thị H**, sinh năm 1954; cùng địa chỉ: Số 141 Ấ, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Vào ngày 25/10/2021, ông Nguyễn Quang S và bà Nguyễn Thị Bích N phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V số tiền 479.437.171 đồng. (*Bốn trăm bảy mươi chín triệu bốn trăm ba mươi bảy ngàn một trăm bảy mươi một đồng*). Trong đó: Nợ gốc : 383.552.933 đồng; nợ lãi: 95.884.238 đồng (*lãi trong hạn: 17.235.481 đồng; lãi quá hạn: 48.648.757 đồng*), lãi tạm tính đến ngày 10/9/2021 và lãi phát sinh tiếp theo kể từ ngày 11/9/2021 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất (trong hạn, quá hạn) do các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số LN 12559835 ngày 20/4/2017.

Xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp ông Nguyễn Quang S và bà Nguyễn Thị Bích N vi phạm cam kết như thỏa thuận thì tài sản thế chấp là: Toàn bộ nhà và đất tại thửa đất số 19 tờ bản đồ số N1.5 địa chỉ: Khu phố chợ Hòa Hải mở rộng, số nhà 141 đường Ấ, phường H, quận Ngũ H, thành phố Đà Nẵng (Có Giấy chứng nhận số BT890252 do Sở Tài Nguyên Môi Trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 24/4/2014) thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị H, theo hợp đồng thế chấp số 807 ký ngày 20/4/2017 tại Văn phòng Công chứng Phạm Văn K, thành phố Đà Nẵng và đã đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai quận N, thành phố Đà Nẵng ngày 20/4/2017.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 07/6/2021 thể hiện không có sự thay đổi so với tài sản thế chấp là: Toàn bộ nhà và đất tại thửa đất số 19 tờ bản đồ số N1.5 địa chỉ: Khu phố chợ Hòa Hải mở rộng, số nhà 141 đường Ấ, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng (Có Giấy chứng nhận số BT890252 do Sở Tài

Nguyên Môi Trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 24/4/2014) thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị H. Có tứ cận như sau:

Phía Đông: giáp lối thoát hiểm.

Phía Tây: giáp lô đất trồng đường Ấp Bắc.

Phía Nam: giáp nhà số 142 đường Ấp Bắc.

Phía Bắc: giáp nhà số 139 đường Ấp Bắc.

Hiện tại nhà, đất trên không cho thuê hay cầm cố thế chấp cho bất kỳ cá nhân tổ chức nào ngoài Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V.

Tạm giao tài sản trên cho ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị H tiếp tục quản lý.

Được xử lý theo Điều 299 Bộ luật dân sự năm 2015 để thu hồi nợ.

Trường hợp ông Nguyễn Quang S và bà Nguyễn Thị Bích N thanh toán nợ xong cho Ngân hàng hoặc ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị H tự nguyện thanh toán hộ cho ông Nguyễn Quang S và bà Nguyễn Thị Bích N số tiền: 479.437.171 đồng. (*Bốn trăm bảy mươi chín triệu bốn trăm ba mươi bảy ngàn một trăm bảy mươi một đồng*). Trong đó: Nợ gốc: 383.552.933 đồng; nợ lãi: 95.884.238 đồng. Lãi tạm tính đến ngày 10/9/2021. Lãi phát sinh tiếp theo kể từ ngày 11/9/2021 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất do các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số LN 12559835 ngày 20/4/2017 thì Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V phải trả lại cho ông Nguyễn Quang S và bà Nguyễn Thị Bích N 01 bản chính giấy chứng nhận QSD đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo hồ sơ gốc số BT890252 do Sở Tài Nguyên Môi Trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 24/4/2014 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị H theo quy định tại Điều 322 BLDS Bộ luật dân sự năm 2015.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bị đơn tự nguyện chịu (*Đã nộp, đã chi*).

Án phí DS-ST: 11.588.743 đồng (*Mười một triệu năm trăm tám mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi ba đồng*) ông Nguyễn Quang S và bà Nguyễn Thị Bích N phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V số tiền 10.487.003 đồng
(*Mười triệu bốn trăm tám mươi bảy ngàn không trăm lẻ ba đồng*) tiền tạm ứng án
phí theo biên lai thu số 6685 ngày 26/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận
S, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành, không
bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành
án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án,
quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án
theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án
được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Viện KSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Đông Thanh